

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 20/2024/DSST

Ngày 22/5/2024

V/v tranh chấp hui và hợp đồng vay tài sản.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thanh T

-Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Văn P;

2/. Ông Nguyễn Ngọc Q.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị B – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Hui và hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐST- DS ngày 05 tháng 02 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 06/2024/QĐST-DS ngày 04/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 89/2024/QĐST-DS ngày 03/5/2024 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Bà N T T, sinh năm 1955;

Địa chỉ: ấp 4, xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Chị H N H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp 8A, xã Phong Thạnh Tây A, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Bà N N B, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp 4, xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

3/. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà N T Q, sinh năm 1957.

Địa chỉ: ấp 4, xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Chị H, bà B và bà Q có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, chị H N H trình bày: Bà B là cháu ruột kêu bà T bằng cô ruột, vào ngày 20 tháng 7 năm 2022 âm lịch bà B mượn bà T vô dùm 02 chung hụi do ông N V K (em ruột của bà T, chú ruột của bà B làm chủ hụi), loại hụi 2.000.000 đồng/ 1 tháng, dây hụi có 32 chung hụi; đến ngày 20/8/2022 âm lịch bà B kêu bà T bổ hụi hốt thì trúng hụi hốt được số tiền 42.850.000 đồng, hốt xong bà B điện cho bà T giao số tiền 42.850.000 đồng cho mẹ bà B tên N T Q nhận thay bà B (do bà B ở thành phố Hồ Chí Minh), việc giao tiền cho bà Q không có làm giấy tờ, không có ai chứng kiến; tháng 9 năm 2022 bà B có gửi tiền về cho bà T đóng hụi chết được 01 tháng. Đến ngày 20/10/2022 âm lịch bà B kêu bà T hốt dùm chung hụi thứ 2 được số tiền 43.400.000 đồng, bà T nhận tiền từ chủ hụi, bà T điện cho bà B thì bà B kêu giao tiền hụi cho bà N T Q nhận thay (do bà B đang ở thành phố Hồ Chí Minh), bà T giao cho bà Q số tiền 43.400.000 đồng, việc giao tiền không có làm giấy tờ, không có ai chứng kiến. Đến tháng 11/2022 âm lịch bà B đang làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh nên không có về được để đóng tiền hụi cho bà T nên bà B có gửi nhờ qua tài khoản thẻ của ông Nguyễn Việt Thắng số tiền 3.700.000 đồng để đóng tiền hụi cho bà T, sau đó ông Thắng đã rút số tiền bà B gửi ra và đã giao cho bà T số tiền 3.700.000 đồng; đến tháng 12/2022 âm lịch bà B về nhà nhưng do không có tiền đóng hụi nên kêu bà T hỏi dùm số tiền 10.000.000 đồng, bà T đã giao cho bà B số tiền 10.000.000 đồng, bà B gửi lại cho bà T số tiền 4.000.000 đồng để đóng hụi. Từ đó đến nay bà B không có trả cho bà T số tiền hụi, tiền vay gốc và tiền lãi số tiền nào. Nay cá nhân bà N T T đến Tòa án kiện đòi cá nhân bà N N B trả tiền hụi từ ngày 30 tháng 01 năm 2023 âm lịch đến ngày 30 tháng 9 năm 2023 âm lịch bằng số tiền 32.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi tiền hụi; tiền vay nợ gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi vay từ ngày 30/ 01/2023 âm lịch đến ngày 30/9/2023 âm lịch với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Ngoài ra, không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà N N B có lời khai trình bày: Cá nhân bà có mượn bà N T T chơi dùm 02 chung hụi, loại hụi 2.000.000 đồng/ 1 tháng do ông N V K (là chú ruột của bà B làm chủ), cụ thể: dây hụi 1 khui ngày tháng năm nào bà không nhớ, bà tham gia 01 chung, đóng một thời gian thì hốt được số tiền khoảng hơn 40.000.000 đồng, bà T không có giao tiền hụi cho bà mà bà T trừ vào tiền vay ngày, tháng của bà thiếu bà T trước khi bà vô hụi (tiền vay tháng 30.000.000 đồng, tiền vay bạc ngày 10.000.000 đồng); chung hụi này còn 10 lần hụi chết nửa là mãn thì bà nhờ bà T vô chung hụi thứ 2 (còn ngày tháng năm nào bà cũng không nhớ), loại hụi 2.000.000 đồng, cũng do ông K làm chủ hụi, bà đóng hụi được khoảng 15-16 lần hụi sống thì bà kêu bà T hốt hụi dùm, hốt được số tiền khoảng hơn 40.000.000 đồng, bà T điện cho bà B thì bà B và bà T thỏa thuận trừ tiền hụi chết của chung hụi đầu, còn lại số tiền 19.000.000 đồng bà B kêu bà T giao cho mẹ ruột bà B tên N T Q, sau khi nhận tiền xong thì mẹ bà gửi tiền lại cho tôi xong; chung hụi chết thứ 2 thì bà có gửi cho bà T mỗi tháng 2.000.000 đồng, tại thời điểm chơi hụi, đóng tiền hụi với bà T thì bà B làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh, hàng tháng bà gửi tiền về đóng, còn gửi cho những ai thì

bà không nhớ, mỗi tháng gửi về 2.000.000 đồng, từ tháng 12 năm 2022 âm lịch đến nay bà B không có đóng hụi chết cho bà T, lý do bà B có giao cho bà T số tiền 20.000.000 đồng để bà T dùng tiền tháng cho bà với mức lãi suất mỗi tháng 1.500.000 đồng, nên bà chỉ đóng thêm cho bà T mỗi tháng là 500.000 đồng, việc bà giao tiền cho bà T không có làm giấy tờ, cũng không có ai chứng kiến. Theo bà B nhớ có 01 lần bà gửi cho ông Nguyễn Việt Thắng số tiền 3.700.000 đồng, còn vào ngày tháng năm nào bà không nhớ là để đóng hụi cho bà T số tiền 2.000.000 đồng (đóng chung hụi đầu), còn lại số tiền 1.700.000 đồng là để đóng tiền lãi cho bà T (tiền vay số tiền 40.000.000 đồng). Từ khi chơi hụi với bà T cho đến nay bà không có nhờ bà T hỏi dùng cho bà số tiền 10.000.000 đồng của ông Thạch. Nay bà B không đồng ý trả tiền theo yêu cầu K kiện của bà T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà N T Q trình bày: Khoảng tháng 8 năm 2022 âm lịch, bà N T T có đến nhà bà gửi cho con gái bà là N N B số tiền hụi 19.000.000 đồng, sau đó bà Q đã gửi lên Thành phố Hồ Chí Minh cho bà B xong. Ngoài lần nhận tiền này thì bà Q không có nhận tiền của bà T lần nào nữa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng, quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu K kiện của bà N T T đòi bà N N B trả tiền vay gốc số tiền 10.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 30/01/2023 âm lịch đến ngày 30/9/2023 âm lịch. Chấp nhận yêu cầu K kiện của bà T đòi bà B trả tiền hụi số tiền 32.000.000 đồng. Đối với số tiền hốt hụi của chung hụi thứ 2: bà T xác định đã giao cho mẹ bà B nhận thay số tiền 43.400.000 đồng; Tuy nhiên, bà Q, bà B chỉ thừa nhận có nhận từ bà T 19.000.000 đồng, đây là số tiền hốt hụi bà T giao chưa đầy đủ, bà B có quyền K kiện yêu cầu bà T giao trả bằng một vụ kiện độc lập khác. Về án phí: bà T được miễn án phí, buộc bà B phải chịu án phí trên số tiền trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà N T T K kiện bà N N B về tranh chấp nợ hụi, nợ tiền vay tại Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu; Bà B có địa chỉ cư trú tại ấp 4, xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Đối với khoản tiền vay:* Bà T yêu cầu bà B trả tiền vay gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 30/01/2023 âm lịch đến ngày 30/9/2023 âm lịch theo mức lãi suất pháp luật quy định. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, bà B không thừa nhận có vay của bà T số tiền 10.000.000 đồng. Người đại diện theo ủy quyền của bà T xác định bà T đi vay tiền của người khác dùm cho bà B, số tiền là 10.000.000 đồng vào tháng 12 năm 2022 âm lịch, lãi suất 10%/tháng, mục đích bà B vay tiền là để đóng hui chết cho bà T. Xét thấy, việc bà T giao tiền vay cho bà B các bên không làm giấy tờ, cũng không có người trực tiếp chứng kiến. Trong khi đó, bà B không thừa nhận có vay tiền của bà T số tiền 10.000.000 đồng như bà T yêu cầu. Ngoài lời trình bày của bà T, bà T không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu K kiện của mình là có căn cứ. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu K kiện của bà T đòi bà B trả tiền vay gốc số tiền 10.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 30/01/2023 âm lịch đến ngày 30/9/2023 âm lịch theo mức lãi suất pháp luật quy định.

[2.2] *Đối với khoản tiền hui:* Theo đơn K kiện bà T yêu cầu bà B trả tiền hui số tiền 32.000.000 đồng, quá trình làm việc thì chị H là người đại diện theo ủy quyền của bà T lại yêu cầu số tiền 36.000.000 đồng, nhưng tại phiên tòa ngày hôm nay chị H là người đại diện theo ủy quyền của bà T yêu cầu cá nhân bà B số tiền hui 32.000.000 đồng (từ ngày 30/01/2023 âm lịch đến 30/9/2023 âm lịch), không yêu cầu tính lãi hui.

[2.2.1] Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, cả nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận bà T có chơi dùm chị B 02 chung hui do ông K làm chủ hui. Bà T cho rằng 02 chung hui trong cùng 1 dây hui, còn bà B thì cho rằng 02 chung hui ở 02 dây hui khác nhau nhưng không nhớ ngày tháng khai hui, loại hui 2.000.000 đồng/ 1 tháng/ 1 chung, bà B đã nhờ bà T hốt hui xong đối với 02 chung hui, còn hốt vào ngày tháng nào bà không nhớ chính xác, mỗi chung chỉ nhớ được số tiền khoản hơn 40.000.000 đồng. Cả bà T và bà B đều xác định do ông K làm chủ hui. Xét thấy, tại lời khai 09/01/2024 ông K xác định bà T vô hui dùm bà B 02 chung hui trong cùng 01 dây hui khai ngày 20/7/2022 âm lịch nên có cơ sở xác định bà T vô hui dùm bà B 02 chung hui trong cùng 01 dây hui khai ngày 20/7/2022 âm lịch, loại hui 2.000.000 đồng/ 1 tháng, chung hui thứ 1 đã hốt hui vào ngày 20/8/2022 âm lịch được số tiền 42.850.000 đồng; chung hui thứ 2 đã hốt hui vào ngày 20/10/2022 âm lịch được số tiền 43.400.000 đồng, nên đây là cơ sở để giải quyết vụ án.

[2.2.2] *Đối với chung hui thứ 1:* bà T và bà B đều thừa nhận chung hui 1 đã hốt xong được số tiền 42.850.000 đồng (theo bà T trình bày, còn bà B xác định số tiền trên 40.000.000 đồng), bà T xác định đã giao tiền xong cho bà B (thông qua bà Q), còn bà B thừa nhận đã nhận số tiền hơn 40.000.000 đồng tiền hốt hui từ bà T thì bà T và bà B đã tự thỏa thuận trừ vào tiền vay của bà B thiếu bà T trước đó số tiền tổng cộng 40.000.000 đồng. Hiện tại bà T và bà B không có yêu cầu, tranh chấp về số tiền hui đã hốt này nên không đặt ra xem xét giải quyết. Như vậy, sau khi hốt hui xong thì bà B phải có nghĩa vụ đóng hui chết lại cho bà T đến khi mãn hui.

[2.2.3] Đối với chung hui thứ 2: bà T và bà B đều thừa nhận, chung hui 2 đã hốt xong được số tiền 43.400.000 đồng (theo lời trình bày của bà T), còn bà B xác định số tiền trên 40.000.000 đồng. Bà T xác định đã giao tiền xong cho bà B (thông qua bà Q), còn bà B, bà Q thừa nhận đã nhận chỉ nhận từ bà T số tiền 19.000.000 đồng, còn lại bà T đã cần trừ vào tiền hui chết của chung hui 1 cho đến khi mãn hui nhưng bà T không thừa nhận.

[2.2.4] Bà T và bà B đều thừa nhận bà B đã đóng hui chết cho bà T đối với 02 chung hui được đến hết tháng 12 năm 2022 âm lịch, sự thừa nhận của các đương sự là tài liệu. chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, về nguyên tắc chung, bà B có nghĩa vụ đóng tiền hui chết của 02 chung hui cho bà T từ tháng 01 năm 2023 âm lịch cho đến khi mãn hui.

[2.2.5] Bà B cho rằng, tháng 12 năm 2022 âm lịch khi bà không làm ở Thành phố về nhà bà và bà T có thỏa thuận bà B giao bà T số tiền 20.000.000 đồng để bà T dùng tiền tháng lấy tiền lãi mỗi tháng 1.500.000 đồng để đóng tiền hui chết của chung hui thứ 2 cho bà T, hàng tháng bà B chỉ giao thêm cho bà T số tiền 500.000 đồng, nhưng bà T không thừa nhận. Bà B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ cho sự việc trên, vả lại trong vụ kiện này bà B không có yêu cầu phản tố đối với bà T đòi số tiền này nên không đặt ra xem xét giải quyết. Trong trường hợp bà B cho rằng quyền lợi ích của bà bị xâm phạm thì bà có quyền K kiện thành vụ án dân sự độc lập khác.

[2.2.6] Tại phiên tòa, bà B xác định, chung hui 1 khai ngày tháng năm nào không nhớ, nhưng đóng được 19 lần thì hốt hui được số tiền hơn 40.000.000 đồng. Xét thấy, nếu như hui 2.000.000 đồng thì hốt ở lần thứ 19 thì số tiền hốt hui phải nhỏ hơn số tiền 40.000.000 đồng, nên lời khai này của bà B chưa có cơ sở chấp nhận. Theo lời khai của ông K thì chung hui thứ 2 hốt hui vào ngày 20/10/2022 âm lịch, bà B xác định sau khi nhận tiền hui của chung hui thứ 2 thì đã thỏa thuận với bà T trừ tiền hui chết chung hui thứ 1 đến khi mãn hui xong, nhưng lại mâu thuẫn với trình bày của ông Thắng là ngày 20/11/2022 bà B chuyển tiền về nhờ ông N V T đóng hui cho bà T số tiền 3.700.000 đồng cho 02 chung hui, lời khai của bà B xác định số tiền 3.700.000 đồng gửi về cho ông T là đóng hui chết 2.000.000 đồng, còn lại 1.700.000 đồng đóng tiền lãi vay của số tiền 40.000.000 đồng nhưng lại mâu thuẫn với chính lời khai của bà B xác định hốt chung hui 1 đã trả thỏa thuận trả tiền vay cho bà T xong số tiền 40.000.000 đồng vào tháng 8 năm 2022 âm lịch (thời điểm hốt chung hui thứ 1). Xét thấy, lời trình bày của bà B là chưa có cơ sở.

[2.2.7] Từ những phân tích, nhận định nêu trên có thể thấy rằng, việc bà B còn nợ bà T số tiền hui chết với mức 4.000.000 đồng/ 02 chung hui tính từ ngày 30/01/2023 âm lịch đến 30/9/2023 âm lịch (09 tháng) với số tiền 32.000.000 đồng là có xảy ra trên thực tế. Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu K kiện của bà T. Buộc chị B có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền hui 32.000.000 đồng.

[2.2.8] Đối với số tiền hui chết còn lại chưa được Tòa án thụ lý giải quyết, bà T có quyền K kiện bằng một vụ kiện độc lập khác khi bà B vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

[2.2.9] Trong trường hợp bà B cho rằng bà T giao tiền hụi cho bà còn thiếu ở chung hụi thứ 2 (do bà T xác định đã giao đủ tiền hụi cho bà B số tiền 43.400.000 đồng, còn bà B, bà Q xác định chỉ nhận được số tiền 19.000.000 đồng) thì bà B có quyền K kiện bằng vụ kiện dân sự độc lập khác để đòi bà T giao số tiền hụi còn thiếu.

[3] Xét thấy quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận

[4] Về án phí xét xử dân sự có giá ngạch: Bà T thuộc đối tượng miễn, có đơn xin miễn án phí nên bà T được miễn tiền án phí. Buộc bà B phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật trên số tiền phải trả cho bà T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 quy định về Hộ, Hụi, Biều, Phường.

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận yêu cầu K kiện của bà N T T đòi bà N N B trả tiền vay gốc số tiền 10.000.000 đ (Mười triệu đồng) và tiền lãi vay theo quy định của pháp luật từ ngày 30/01/2023 âm lịch đến ngày 30/9/2023 âm lịch.

2/. Chấp nhận yêu cầu K kiện của bà N T T đòi bà N N B trả tiền hụi tính từ ngày 30/01/2023 âm lịch đến 30/9/2023 âm lịch (09 tháng) với số tiền 32.000.000 đ (Ba mươi hai triệu đồng).

Buộc bà N N B có nghĩa vụ trả cho bà N T T tiền hụi tính từ ngày 30/01/2023 âm lịch đến 30/9/2023 âm lịch (09 tháng) với số tiền 32.000.000 đ (Ba mươi hai triệu đồng).

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả Tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/. Về án phí: Buộc bà N N B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 1.600.000 đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long. Bà N T T được miễn án phí.

“Bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a và 7b; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm dân sự công khai có mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết là có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Thanh T